



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

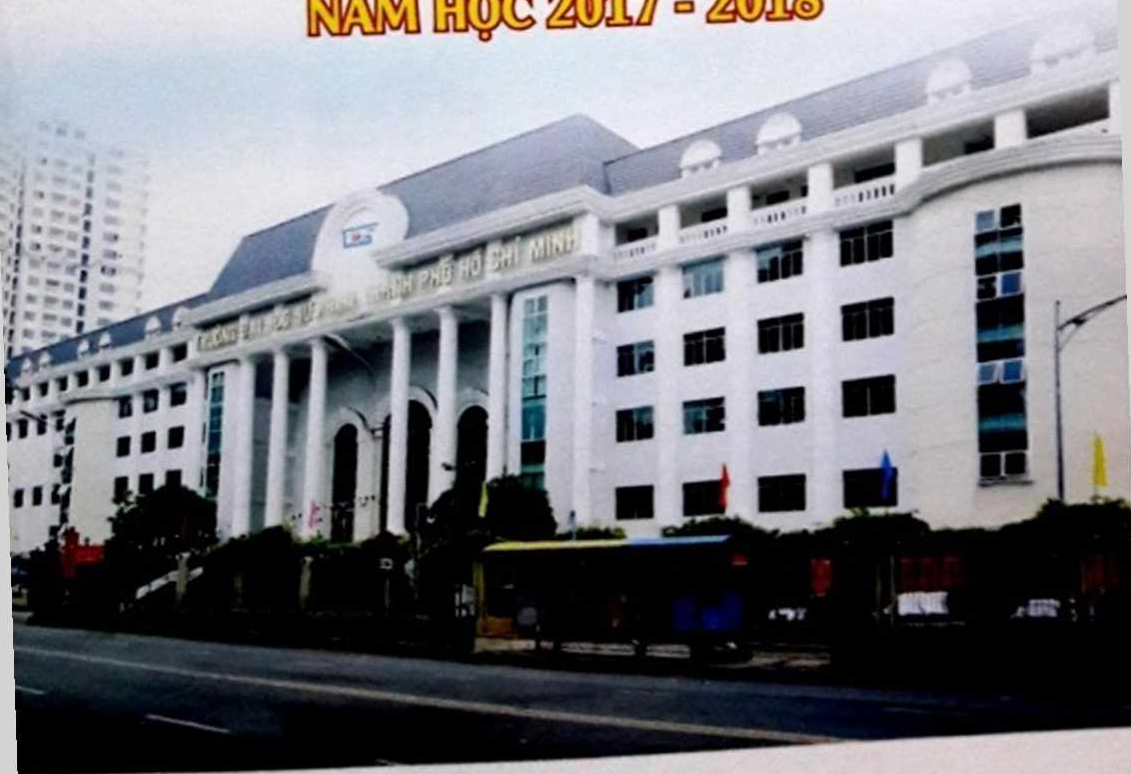


KỶ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC

CHO HỌC VIÊN CAO HỌC VÀ NGHIÊN CỨU SINH

NĂM HỌC 2017 - 2018



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC CONTENTS

LỜI NÓI ĐẦU	7
1. Nguyễn Thị Mỹ Duyên	
Siêu mặt \int -cực tiểu và nghiệm tự đồng dạng của dòng độ cong trung bình <i>\int-minimal hypersurfaces and self-similar solutions of mean curvature flow</i>	9
2. Nguyễn Hữu Lợi	
Các hình thức thể hiện của khái niệm và các tiến trình dạy học khái niệm ở trường phổ thông – Trường hợp khái niệm lũy thừa <i>Forms of concept expression and the process of teaching a concept – The case of the concept of exponent</i>	20
3. Trần Văn Thịnh	
Nguồn cung tư liệu trong nghiên cứu ca dao đồng bằng sông Cửu Long dưới góc nhìn bối cảnh <i>Information source for studying Mekong Delta folksong in context</i>	30
4. Hoàng Thị Thùy Dương	
“Truyền kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ dưới góc nhìn phê bình cổ mẫu “ <i>Truyen ky man luc</i> ” of <i>Nguyen Du</i> from the perspective of archetypal criticism	41
5. Lê Thị Nhiên	
Truyền thống của dân tộc Việt Nam qua chân dung người chiến sĩ cách mạng trong hồi ký giai đoạn 1945 – 1975 <i>Vietnamese tradition through the portrait of revolutionary soldiers in their memoirs during the period 1945 – 1975</i>	52
6. Lê Thị Kim Út	
Vấn đề tương tác thể loại của tiểu thuyết trong tư tưởng của Bakhtin và sự tương tác thể loại trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử (Trường hợp <i>Giọt máu chung tình, Gia Long tau quốc</i> và <i>Hoàng tử Cảnh như Tây</i>) <i>Problem of genre interaction in Bakhtin's thought and genre interaction in historical novel of Tan Dan Tu (the case of Giot mau chung tinh, Gia Long tau quoc and Hoang tu Canh nhu Tay)</i>	61
7. Guan Hong Wei, Đinh Phan Cẩm Vân	
Vấn đề phụ nữ theo tinh thần Marxist trong thơ nữ Việt Nam, Trung Quốc nửa đầu thế kỷ XX <i>Examining the women issue in Vietnamese and Chinese feminist poems in the early twentieth century from the Marxist theory</i>	75

TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM QUA CHÂN DUNG NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG TRONG HỒI KÝ GIAI ĐOẠN 1945 – 1975

Lê Thị Nhiên*

NCS chuyên ngành Văn học Việt Nam - Khóa 2014 – Trường ĐHSP TPHCM

TÓM TẮT

Bài viết cho thấy biểu hiện truyền thống của dân tộc Việt Nam qua hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong hồi ký giai đoạn 1945 – 1975. Trong hoàn cảnh đấu tranh để giải phóng dân tộc, người cách mạng vừa kế thừa, vừa làm nên sự phong phú, mới mẻ của những truyền thống dân tộc, chẳng hạn như truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo, truyền thống hiếu học.

Từ khóa: Cách mạng Việt Nam, hồi ký, truyền thống dân tộc.

ABSTRACT

*Vietnamese tradition through the portrait of revolutionary soldiers
in their memoirs during the period 1945 – 1975*

The article presents demonstration of the Vietnamese people through the revolutionary soldiers in their memoirs during the period 1945-1975. In the fight to liberate the people, the revolutionary people both inherited and enriched and innovated the national tradition, such as the patriotic tradition, humane tradition and studious tradition.

Keywords: Vietnamese revolution, memoir, national tradition.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn văn học Việt Nam 1945 - 1975, sự xuất hiện của nhiều hồi ký đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu và độc giả. Khi xem xét tiến trình của hồi ký, chúng tôi thấy rằng thể loại hồi ký hình thành khá sớm và có nhiều thành tựu. Riêng ở giai đoạn văn học này, mảng hồi ức của các chiến sĩ cách mạng về quá trình vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh bí mật chống quân thù đã có những đóng góp quan trọng vào tiến trình văn học cách mạng Việt Nam. Xét về phương diện đối tượng phản ánh, tác giả và cả cảm hứng sáng tác, chúng tôi dùng khái niệm hồi ký cách mạng để gọi mảng sáng tác này. Người kể chính là nhân chứng của rất nhiều sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc trước khi Cách mạng tháng Tám thành công. Các tác phẩm này đã phản ánh những giá trị truyền thống của dân tộc trong điều kiện đặc biệt của bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX thông qua việc thể hiện chân dung tinh thần của người chiến sĩ cách mạng. Theo nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu:

“Nước Việt Nam không có nền văn minh cổ đại huy hoàng như Hy Lạp, Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc; chưa có nền kinh tế và kỹ thuật hiện đại phát triển cao như Mỹ, Đức, Nhật; không có đất đai rộng lớn, dân số đông đảo như Trung Quốc, Ấn Độ. Nhưng ta có cách mạng và kháng chiến thành công vang dội, ta có những giá trị tinh thần cao cả được

*Email: ltnhien@ctu.edu.vn

biểu hiện tập trung nhất là trong thời đại cách mạng và kháng chiến đó” (Trần Văn Giàu, 1993, p.56).

Truyền thống là những đức tính, thói quen, phong tục của dân tộc đã được hình thành từ rất lâu đời và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Khi nói đến truyền thống của một dân tộc, một đất nước, người ta có thể hình dung cả những truyền thống tích cực lẫn những truyền thống tiêu cực. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi nhấn mạnh giá trị truyền thống, tức là tập trung vào những truyền thống tốt đẹp, cao quý của dân tộc Việt Nam đã được tạo lập và giữ gìn qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Đó chính là truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất trước mọi kẻ thù; truyền thống nhân nghĩa, đoàn kết, thủy chung; truyền thống hiếu học, trọng người tài... Trong các hồi ký, người chiến sĩ cách mạng đã xem đây là tiền đề quan trọng để rèn đức luyện tài, trở thành con người Việt Nam mới xứng đáng với cha ông, ngang cao đầu với bạn bè quốc tế. Đồng thời, các tác giả cũng cho thấy quá trình kế thừa và tiếp biến những giá trị văn hóa truyền thống một cách phù hợp. Khi bàn về vấn đề văn hóa văn nghệ, Trường Chinh cho rằng:

“Văn hóa dân chủ mới Việt Nam tiêu biểu cho tinh hoa của dân tộc. Song đồng thời, nó sẵn sàng hấp thụ những cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ của văn hóa nước ngoài. Nó không bài ngoại và vị chủng. Nó phản đối những cái lai căng, mất gốc, phản đối ăn sống nuốt tươi văn hóa của người, học người như vẹt hoặc lấp văn hóa của người vào hoàn cảnh nước mình như máy, không đếm xỉa đến đặc điểm và điều kiện đặc biệt của nước mình và dân tộc mình” (Trường Chinh, 1972, p.112).

2. Biểu hiện của một số truyền thống dân tộc qua chân dung người chiến sĩ cách mạng trong hồi ký 1945 – 1975

Truyền thống của một dân tộc được hình thành và khẳng định qua chiều dài của lịch sử dân tộc. Do đó, nó đã trở thành những nhân tố bền vững trong đời sống tinh thần của mỗi con người. Quá trình biến đổi đời sống phải có điều kiện cần thiết và sự tác động mạnh mẽ, sâu sắc của rất nhiều nhân tố. Trong các hồi ký cách mạng, tác giả không chỉ phản ánh tình hình Việt Nam trước và sau khi Cách mạng thành công mà còn cho thấy đời sống tinh thần phong phú của dân tộc Việt Nam. Thông qua những mẩu chuyện chân thực, những trang hồi ký đã cho thấy, giai đoạn này, những giá trị truyền thống của dân tộc luôn được kế thừa, có sự biến đổi không ngừng và có vai trò quan trọng trong việc hình thành đạo đức người cộng sản. Hà Minh Đức (2001) quan niệm rằng:

“Một trong những vấn đề quan trọng đặt ra trong nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa vô sản là thái độ đối với di sản văn hóa của dân tộc. Nền văn hóa mới phải được xây dựng trên cơ sở tiếp thu có phê phán những giá trị tinh thần truyền thống của văn hóa dân tộc” (Hà Minh Đức, 2001, p.258-259).

Trần Văn Giàu đã nhấn mạnh và khẳng định người cách mạng là những người đầu tàu trong việc giữ gìn và phát triển những truyền thống của dân tộc ta:

“Những người cộng sản là những người dẫn đạo việc kế thừa xứng đáng các giá trị truyền thống của dân tộc, là những người thành công trong việc trả lại giá trị truyền thống ấy” (Trần Văn Giàu, 1993, p.62).

3.1. Truyền thống yêu nước

Trong công trình *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu khẳng định:

“Tình cảm và tư tưởng yêu nước là tình cảm và tư tưởng lớn nhất của nhân dân, của dân tộc Việt Nam” và “chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Ở đây, bản chất Việt Nam biểu lộ đầy đủ và tập trung nhất, hơn bất cứ chỗ nào khác. Yêu nước trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam” (Trần Văn Giàu, 1993, p.100-101).

Yêu nước trong truyền thống của dân tộc Việt Nam trước hết là yêu quê hương, xóm làng – nơi chôn nhau cắt rốn. Bởi vì đó là không gian đầu tiên hình thành và nuôi dưỡng tình cảm gắn bó của mỗi con người. Những người bình dân thường ngâm ngợi bài ca dao: *“Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương/ Nhớ ai dãi nắng dầm sương/ Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao”* để bày tỏ lòng yêu quê tha thiết bằng những mối gắn kết giản dị. Truyền thống yêu nước còn là tình yêu giống nòi, tự hào về văn hóa dân tộc, nhớ ơn nguồn cội tổ tiên. Tâm niệm ấy đã đi vào câu hát, lời ru để không thôi nhắc nhở. Truyền thống yêu nước của dân tộc còn được bộc lộ sâu sắc, rõ nét trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Hồ Chí Minh đã tự hào khẳng định:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” (Hồ Chí Minh, 1951).

Bước sang thế kỷ XX, khi tình hình chính trị xã hội trong nước và trên thế giới có nhiều biến động, truyền thống yêu nước đã được người chiến sĩ cách mạng cùng cố và bổ sung nhiều khía cạnh mới mẻ. Trong hồi ký cách mạng, truyền thống yêu nước chứa đựng nội dung phong phú. Trong đó, các tác giả xác định, cội nguồn của lòng yêu nước vẫn là tình cảm gắn bó với quê hương, với đồng bào. Trong mọi hoàn cảnh, vẻ đẹp quê hương luôn gây ấn tượng sâu sắc đối với người chiến sĩ. Bị kẻ thù bắt ngay khi đang in báo Chiến thắng, đang đọc tài liệu về chiến tranh du kích, trên đường bị giải về sở mật thám, Trần Hữu Dục còn kịp nhận thấy: *“Bên ngoài, trên đường và trên cánh đồng, nắng sớm đang trải ra một màu vàng rực rỡ. Đẹp thật, phong cảnh đất nước quê hương mình mỗi nơi một vẻ”* (Bước qua đầu thù). Đồng chí Trường Sinh trên đường đi liên lạc với Trung ương Đảng đến Quảng Nam, vẫn không quên ngắm nhìn và ca ngợi vẻ đẹp trù phú của đất nước: *“Quảng Nam như một cô gái đảm đang, xốc vác ... Quảng Nam có cửa bể Đà Nẵng, có phố Hội An, buôn bán sầm uất. Quảng Nam có chèo Tam Kỳ, có quần Tiên Phước, có lụa Duy Xuyên, có vải Điện Bàn, chớ đi bán khắp nơi nơi. Quảng Nam có nước mắt Nam Ô.*

có thuốc lá Cẩm Lệ, có mỏ vàng Bồng Miêu, có mỏ than Nông Sơn, của chìm của nổi, ai trông thấy cũng phải thèm. Quảng Nam có chùa Non Nước, có tháp Đồng Dương, có nhà bảo tàng di tích nước cổ Chiêm Thành, có đèo Hải Vân và lừng danh lam thắng cảnh tô điểm cho đất nước thêm mỹ miều” (Người trước ngã, người sau tiến). Chính tình yêu đối với khung cảnh giản dị nhưng thơ mộng, yên bình của quê hương đã thôi thúc người chiến sĩ dần bước vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng để bảo vệ từng mảnh ruộng, từng con suối. Điều này cũng chính là cơ sở của lòng yêu nước, là động lực để người Việt Nam thêm quyết tâm và vững vàng trong cuộc đấu tranh sống còn với kẻ thù.

Tuy nhiên, các chiến sĩ cách mạng cũng nhận thức được rằng, trong hoàn cảnh mới, lòng yêu nước phải thể hiện ở những phương diện mới. Họ không còn tôn sùng ý thức hệ phong kiến mà dần dần tiếp thu ý thức hệ của giai cấp vô sản. Lòng yêu nước của người cách mạng thể hiện ở niềm tin tưởng tuyệt đối vào Đảng Cộng sản, khẳng định sự đúng đắn của lý tưởng cách mạng và lòng biết ơn sâu sắc với tổ chức. Họ đã khẳng định niềm tự hào khi được đứng vào hàng ngũ của Đảng cộng sản, được chiến đấu vì lợi ích của nhân dân. Nguyễn Lương Bằng khi bị địch giải đi trên tàu đã hiên ngang trả lời những người đi đường: *“Tôi thuộc Đảng cộng sản”* và nói rõ *“Chúng tôi tự hào vì hai tiếng cộng sản ấy” (Nhờ dân nhờ Đảng mà trưởng thành)*. Từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, Tô Hữu đã được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản. Người thanh niên Nguyễn Kim Thành cảm nhận: *“những điều trong sách như mở ra một chân trời mới” (Nhớ lại một thời)* khi được đọc các sách về chủ nghĩa Mác. Tô Hữu lúc này phơi phới niềm tin yêu đối với cách mạng và khát vọng được cống hiến: *“Hình tượng anh công nhân Paven trong Người mẹ và đẹp hơn nữa là Paven trong Thép đã tôi dũa cảm vượt qua mọi gian khổ, chiến thắng bệnh tật, coi thường cái chết là những thần tượng của tôi, chân lý ấy đang tràn đầy niềm tin ở lý tưởng cộng sản” (Nhớ lại một thời)*. Dù khó khăn gian khổ, nhưng niềm vui tràn ngập trong tâm hồn người cách mạng. Trong hồi ký *Nữ tự vệ chiến đấu*, cô gái trẻ Hà Quế đã bày tỏ: *“Tôi mới 22 tuổi. Hai mươi hai tuổi đời! Và gần bốn tuổi Đảng. Nhiệm vụ Trung-ương giao cho thật là nặng nề. Nhưng tuổi trẻ là tuổi hăng hái, sôi nổi. Tôi tự động viên tôi: ‘Mình là đảng viên. Mình phải làm cho được. Đảng có tin mình, Đảng mới giao cho mình’”*. Cho dù phải đối mặt với sự gian khổ, hy sinh người cách mạng cũng thấy đó là sự hy sinh xứng đáng: *“Mình là người của đoàn thể, khi đoàn thể cần việc gì thì làm việc ấy, rồi anh em sẽ giúp đỡ. Còn làm cách mạng thì ai cũng phải hy sinh. Chúng mình nghèo khổ mãi rồi, nay có chịu thiệt thòi chút ít, thì cũng để cách mạng mau chóng thành công. Đời mình, đời con cháu mình, sau này sẽ sung sướng mãi mãi” (Chị Tư già – Nguyễn Thị Thuận kể, Lê Minh ghi)*. Những người chiến sĩ cách mạng tràn đầy niềm vinh dự khi là thành viên của Đảng Cộng sản.

Lòng yêu nước lúc này chính là tìm được con đường giúp dân tộc có được cuộc sống tự do và chính người chiến sĩ cách mạng có vai trò giải phóng nhân dân khỏi cảnh đời nô lệ dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Nhớ lại những ngày đầu giành được chính quyền,

Nguyễn Lương Bằng tràn đầy niềm tin: *"Và trong những ngày chính quyền nhân dân còn trứng nước, khó khăn không nói sao cho hết, Bác cùng Trung ương đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, dựa vào lòng yêu nước sáng suốt và sức mạnh đoàn kết vô địch của nhân dân, đấu tranh khôn khéo trừ hết được kẻ thù này đến kẻ thù khác. [...] Lực lượng của nhân dân ta đã thắng và óc minh mẫn của lãnh tụ đã lái con thuyền cách mạng ra khỏi bao nhiêu thác ghềnh"* (Nhờ dân nhờ Đảng mà trưởng thành). Khi bị bắt và kết án tử hình ở xà-lim án chém, Phạm Hùng vẫn thản nhiên nói với những người lính canh: *"Lúc nào người cộng sản cũng đứng đắn. Ở ngoài hay ở xà-lim án chém cũng thế thôi. Các anh lấy làm lạ vì các anh lầm tưởng chế độ xử tử làm chúng tôi mất lý trí, sợ hãi hóa rồ dại. Nhưng người cộng sản biết đường đi và mục đích của mình nên lúc nào cũng sáng suốt"* (Còn sống còn làm việc). Niềm tin chính là động lực giúp người chiến sĩ cách mạng vượt qua những đau đớn về thể xác lẫn tinh thần trước thù đoạn của kẻ thù, vượt qua những cám dỗ và những nhu cầu tầm thường trong cuộc đời của con người để hướng đến chân lý mà họ đã phấn đấu, theo đuổi suốt cả cuộc đời.

Khi bàn về nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa mới và vấn đề kế thừa di sản văn hóa dân tộc trong văn học nghệ thuật, theo quan niệm của V.I.Lênin: Lịch sử tư tưởng chính là lịch sử của quá trình thay thế của tư tưởng, do đó là lịch sử đấu tranh tư tưởng. Trong nhận thức của những người cách mạng, truyền thống yêu nước là sợi dây gắn kết tinh dân tộc, đồng bào; khẳng định tinh đồng chí, đồng đội; là tiền đề để "khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" (chữ dùng của Hồ Chí Minh).

2.2. Truyền thống nhân đạo

Bên cạnh truyền thống yêu nước, nhân đạo cũng là một vẻ đẹp được thể hiện xuyên suốt trong tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam. Từ ngày xưa, những câu chuyện cổ tích đã đưa con người đến thế giới mộng ước với sự chiến thắng của lẽ công bằng, tình yêu thương và lối sống nghĩa tình với tinh thần *"thương người rồi mới thương ta"* (ý thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ). Những trang sử hào hùng của dân tộc không chỉ ngợi ca những người anh hùng với chiến công hiển hách mà còn nghiêng mình ngưỡng vọng trước cách hành xử cao đẹp của người Việt Nam. Điều này bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo.

Khi viết hồi ký cách mạng, các tác giả nhấn mạnh đến truyền thống nhân đạo của dân tộc ta trong bối cảnh mới. Xét thấy, lòng yêu thương người, lối sống vị tha, đồng cảm vẫn là nền tảng trong việc tạo dựng các mối quan hệ. Người cách mạng không đặt mình ở vị trí trên cao để ban phát lòng thương người, họ đứng trong nhân dân, thấu hiểu tình cảnh khổ khổ của nhân dân để ý thức được bản thân phải sống và hành động như thế nào. Mở đầu hồi ký *Ánh sáng đây rồi*, người thanh niên Nông Văn Lạc đã xót xa trước thực tại đầy nghịch lý: *"Châu Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng núi rừng trùng điệp có nhiều mỏ quý: thiếc, chì, kẽm, vàng ở Tĩnh Túc, Phia Khao, Tài Xoàng. Thật là mìa mai, nhân dân các dân tộc cứ nai lưng làm cho Tây không kể ngày đêm. Thế mà dân ta vẫn nghèo xơ xác".* Anh đã nhiều lần bán khoán, cảm tức khi chứng kiến người dân quê mình bị hà hiếp, bị chia rẽ

nhưng chẳng dám kêu than, chẳng dám đấu tranh vì sức yếu thể cô, sợ liên lụy gia đình. Ý thức về một cuộc đời công bằng, bình đẳng, mơ ước về một cuộc sống ấm no đã hun đúc trong lòng anh một mối căm thù và khát khao muốn thay đổi cuộc đời. Trong hồi ký *Rời ba được vào Đảng*, người thanh niên Nguyễn Chí Thanh đã từng bức bối, cay cú trước xã hội thiếu công bằng: “*Lạ thật, cuộc đời sao mà lạ thật, sao lại có “kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra?” Sao lại có những thằng chẳng làm đêch gì mà sung sướng, lại có thằng làm chết xác mà chạy bữa hôm, thiếu bữa mai?”*. Chứng kiến bao cảnh bất công diễn ra hàng ngày, hàng giờ ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam, những thanh niên có sẵn mối căm tình với quê hương, dân tộc luôn đau đáu không yên. Trong hồi ký, *Người đi tìm đường cứu nước*, Trần Dân Tiên đã phác họa nỗi lòng của lãnh tụ: “*Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi, người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào*”. Những nhận thức ban đầu này phải chăng là nền tảng của quyết tâm sống và chiến đấu vì lý tưởng cách mạng sau này của họ, bồi đắp tình đồng đội, đồng chí, đồng bào, tình quân dân.

Ban đầu, nhận thức của thanh niên trí thức Việt Nam về lý tưởng cách mạng còn mơ hồ. Chính lòng yêu thương con người, quý trọng đồng bào đã giúp họ lựa chọn con đường chân lý của mình. Trong hồi ký *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin*, Hồ Chí Minh viết: “*Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính trọng Lê-nin vì Lê-nin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lê-nin viết*”. “*Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là cái gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì thì tôi chưa hiểu*”. Điều quan trọng mà người cách mạng ấy quan tâm là tổ chức nào, “Quốc tế nào” sẽ vì quyền lợi của nhân dân các nước thuộc địa, đứng về phía họ, bênh vực họ. Đó là bước khởi đầu trong quá trình cứu nước của Hồ Chí Minh. Cũng với tư tưởng này, người thanh niên Nguyễn Chí Thanh đã kể với con những bước đầu tiên khi mình tìm đến lý tưởng cộng sản cũng xuất phát từ niềm tin vào những người biết yêu thương dân nghèo, chống lại bọn ngoại xâm hung bạo. Những chiến sĩ cách mạng đã bước những bước đầu tiên trên lập trường của một người nô lệ. Cái họ tìm là lẽ công bằng, là sự giải thoát khỏi những nỗi khổ đau dưới ách thống trị của kẻ thù. Đây là cơ sở quan trọng hình thành nên tính cách và nhân phẩm của người chiến sĩ trong quá trình tham gia cách mạng.

Bên cạnh đó, người chiến sĩ cách mạng cho thấy, truyền thống nhân đạo trong giai đoạn này không chỉ gói gọn trong phạm vi một đất nước mà còn hướng tới tinh thần quốc tế vô sản rộng rãi. Khi nhắc đến Hoàng Văn Thụ trong những ngày bị tra tấn ở sở mật thám Hà Nội, Trần Đăng Ninh nhớ đến ý chí quật cường và tinh thần kiên trì của ông nhằm kêu gọi, khẳng định sức mạnh của đại đoàn kết của những người nô lệ trên thế giới: “*Rời bằng*

môi giọng tha thiết làm bẽ, anh nhắc đến những nỗi khổ cực của người Pháp sống dưới ách phân-xử Đức ở nước Pháp, phát-xử Nhật ở Đông Dương. Anh tuyên truyền cho sự bắt tay thân thiện giữa nhân dân Đông Dương và những phần tử Pháp tiến bộ để đánh đổ Nhật” (Những ngày cuối cùng của anh Hoàng Văn Thụ). Trong khi bên ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc cũng nhận thấy rằng, những người Pháp trên đất nước của họ không giống những người Pháp sang xâm lược nước ta. Họ cũng có kẻ giàu người nghèo, cũng có những người thiếu áo, đói cơm, cũng có những người yêu nước muốn giải phóng dân tộc khỏi xích xiềng nô lệ. Những người dân Pháp đó cũng cùng cảnh ngộ với dân tộc ta. Và Người cũng đã khẳng định, tổ chức Quốc tế mà Người đi tìm và mong muốn được gia nhập là tổ chức nào đứng về phía nhân dân nô lệ cùng khổ để lên tiếng đòi tự do, bình đẳng.

Như vậy, truyền thống nhân đạo trong hoàn cảnh chiến tranh đã trở thành sợi dây gắn kết tạo nên sức mạnh để chống lại kẻ thù. Đó là tình quân dân sâu nặng, tình đồng bào tha thiết và sự chung sức đồng lòng của những người cùng khổ trên thế giới để chống lại kẻ thù chung là thực dân, đế quốc xâm lược.

2.3. Truyền thống hiếu học

Hiếu học là một trong những truyền thống đẹp của dân tộc ta. Truyền thống này luôn được nhắc nhở, truyền dạy để khuyến răn con người có chí cầu tiến, mở rộng hiểu biết, mở rộng tầm nhìn. Các tác giả dân gian đã khẳng định giá trị của trí tuệ và đề cao vai trò của sự học: “Kho vàng không bằng một nang chữ”. Nhân dân ta coi việc học là khởi nguồn của sự thành công. Ngạn ngữ có câu: “Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri lý”. Những vị Trạng nguyên nổi tiếng như Nguyễn Quan Quang, Nguyễn Hiền đều không có đủ tiền, gạo để theo học mà phải lăn la, nghe lỏm lời thầy dạy từ bên ngoài. Mạc Đĩnh Chi đêm đêm ngồi dưới bóng trăng thanh hay đốt cùi, đốt lá rừng lấy ánh sáng dùi mài kinh sử và cuối cùng trở thành Lưỡng quốc Trạng nguyên. Đó là những minh chứng để khẳng định tinh thần hiếu học của dân tộc ta.

Khi phản ánh những giá trị truyền thống được giữ gìn và phát huy trong những thập niên đầu thế kỷ trước, các tác giả hồi ký một lần nữa khẳng định, truyền thống hiếu học vốn đi theo bước chân của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam từ cuộc sống tự do cho đến khi bị giam cầm, từ hoạt động công khai cho đến khi lui vào bí mật. Nhờ ham học hỏi, ý chí cầu thị, nhân dân ta đã bước dần ra ánh sáng, thoát khỏi cảnh đời nô lệ tối tăm; những người chiến sĩ cách mạng đã xác định được đường đi đúng đắn của mình, không sa vào lầm lạc. Hồ Chí Minh là một minh chứng hùng hồn cho điều đó. Ra đi với hai bàn tay trắng, Người đã bốn ba khắp năm châu, tự học tập để hiểu biết nhiều ngôn ngữ và tìm được đến Luận cương của Lê-nin, tìm được con đường giải phóng cho dân tộc. Bác đã kể: “Trong cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động trong bụng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: ‘Hỡi đồng bào bị

đạo dày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!” (Con đường dẫn tới đến chủ nghĩa Lê-nin).

Khi được thể hiện trong hồi ký của các chiến sĩ cách mạng, truyền thống này đã có nhiều thay đổi do sự tác động của hoàn cảnh. Hiểu học của người xưa là cái thú của sự tự do, phong lưu của người kỹ tài, văn hay chữ tốt muốn thỏa mãn lòng ham hiểu biết và thể hiện tài năng của mình. Hoàn cảnh của người cách mạng không phải như thế. Nơi học tập của họ không phải dưới bóng trăng thanh thơ mộng mà trong hầm tối xà lim. “*Xà lim tối như bưng, suốt ngày thấp một ngọn đèn đỏ đòng đòng đọc. Lại nóng vô chừng phải ở trần trướng mới chịu được. Nằm ngay xuống sàn xi măng, một chân dút vào cái cùm dài suốt chiều dài xà lim” (Còn sống còn làm việc – Phạm Hùng).* Người chiến sĩ cách mạng không được tự do ngâm thơ, phóng bút mà tay vướng xích xiềng, lén lút máy mò từng con chữ li ti được viết lén vào trong các tờ báo bằng nước cơm hoặc bút chì. Trong thâm tâm họ quan niệm “*Học để mà yêu nước” (Trường học trong nhà tù).*

Mục đích của người xưa là nhờ con đường khoa cử để được đỗ đạt làm quan, phò vua giúp nước, cho nên học được xem là bước khởi đầu của quá trình tu thân. Tác giả Tạ Đức Tú đã khẳng định:

“*Nhưng nước ta là một nước nghìn năm văn hiến, đạo học luôn được xem trọng và những người đỗ Đại khoa vẫn nhận được sự ngưỡng vọng của đa số người dân. Chính vì vậy mà đến giai đoạn cáo chung của nền Nho học, các danh nho vẫn hăm hở đi thi, và nhiều người đỗ đạt của những khoa thi cuối cùng đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho các phong trào đấu tranh của dân tộc” (Tạ Đức Tú, 2011, p.26-27).*

Cái chí ham học, tự học của người cách mạng trước hết là để khai sáng cho tri thức của bản thân và của dân tộc đang tăm tối bởi sự “che chắn” của kẻ thù. Quân xâm lược muốn dân ta dốt nát, ngu muội để dễ bề lừa dối, dẫn dắt theo chủ trương của họ. Thế nhưng, chính những người tù chờ ngày lên máy chém đã khởi xướng phong trào học tập trong tù. Phạm Hùng đã khẳng định: “*Học cũng là làm việc. Ở đây, học để đọc sách cho vui, lại hiểu thêm nhiều điều hay. Nếu chết cũng không thiệt mà nếu không chết lại có lợi” (Còn sống còn làm việc).* Người dạy học không phải là người đạo cao đức trọng, kinh sử lâu thông mà chỉ là những người bạn tù cùng chung xiềng xích, gông cùm. Người biết nhiều chữ dạy cho người biết ít chữ, người biết ít chữ lại dạy cho người mới bắt đầu làm quen với chữ cái, bập bẹ học đánh vần. Họ động viên, khuyến khích nhau, biến nhà tù thực dân thành nơi học tập, bồi dưỡng cán bộ. Văn Tân đã khẳng định: “*Đối với người cộng sản Việt Nam, nhà tù không phải là cơ quan lãnh đạo cách mạng (nếu có cũng chỉ đứng trong một vài trường hợp cụ thể nào), mà là một trường học đào tạo cách mạng thật sự” (Học tập, học tập, học tập để hoạt động tốt cho Đảng).*

Niềm vui lớn lao của người tù cách mạng là được học tập, mở rộng hiểu biết để phát triển tư duy và giúp dân giúp nước. Cho dù hoàn cảnh khắc nghiệt, thiếu thốn về vật chất, bị tra tấn, tù đầy về thể xác nhưng họ không nản lòng. Họ tìm mọi cách để biết chữ, đọc

được báo, bởi vì những thông tin ít ỏi từ những tờ báo có thể giúp họ vươn ra thế giới tự do bên ngoài, nắm thông tin về tình hình đấu tranh trong nước và trên thế giới. Nhờ đó, họ có thêm mục tiêu phấn đấu và có thêm niềm tin vào sự thắng lợi của con đường mà họ đang theo.

3. Kết luận

Người chiến sĩ cách mạng không chỉ là những người dám dấn thân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc vĩ đại, họ còn là những người làm rạng rỡ thêm vẻ đẹp truyền thống của dân tộc ta. Thông qua những trang hồi ký, chân dung tinh thần người cách mạng được khắc họa với những nét đẹp tiêu biểu, đại diện cho con người mới dưới sự dẫn lối, soi đường của lý tưởng cộng sản. Họ là những người giàu lòng yêu nước; thương yêu, bảo vệ, giúp đỡ nhân dân vượt qua những tháng ngày tăm tối dưới sự cai trị của thực dân, đế quốc bằng tinh thần nhân đạo, sự vị tha. Những người cách mạng cũng nhận thức rõ về vị trí của mình, biết được những thiếu sót của mình và không ngừng học tập, rèn đức luyện tài.

Qua hình tượng người chiến sĩ cách mạng, tác giả cho thấy sự kế thừa và phát huy những truyền thống dân tộc là cần thiết và hợp lý trong hoàn cảnh và điều kiện mới của đất nước. Bằng cái nhìn của những nhân chứng lịch sử, những truyền thống của dân tộc được tôn vinh, trân trọng nhằm khơi gợi lòng yêu nước, tự hào dân tộc và quyết tâm bảo vệ đất nước của nhân dân ta. Những giá trị truyền thống này là nguồn gốc của quá trình nhận thức; là thước đo cho những phải trái, đúng sai trong xã hội. Đồng thời, với sự vận dụng, biến chuyển hợp lý, từ những cội nguồn của dân tộc con người Việt Nam có thể vươn cao, vươn xa đến những chân trời khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh (1972), *Về văn hóa nghệ thuật*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
2. Ngô Đăng Đức, Ứng Chiêm, Bùi Công Trùng, Hồng Lam, Hải Thanh, Đặng Kim Giang, Trần Độ, Đào Văn Trường, Trường Sinh, Trần Huy Liệu (1960), *Người trước ngã người sau tiến*, NXB Văn học, Hà Nội.
3. Hà Minh Đức (2001), *C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và một số vấn đề lý luận văn nghệ*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
5. Tố Hữu (2000), *Nhớ lại một thời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
6. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập (tập 25) – Bản dịch tiếng Việt*, NXB Tiến bộ, Matxcova.
7. Hồ Chí Minh (1951), trích Báo Cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ II, tháng 2 năm 1951.
8. Hồ Chí Minh, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt, Văn Tiến Dũng (1969), *Nhân dân ta rất anh hùng*, NXB Văn học, Hà Nội.
9. Phạm Như Thơm (Sưu tầm, tuyển chọn và chỉnh lý) (1991) *Hồi ký Trần Huy Liệu*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Tạ Đức Tú (2011), *Văn chương khoa cử Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.